

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM 2024

TT	DM trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ Kế toán (nghìn đồng)	Trụ sở làm việc	Hoạt động sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)					Sử dụng khác	Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ Kế toán (nghìn đồng)		Trụ sở làm việc (m ²)	Hoạt động sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng m ²)					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Nguồn gốc				Giá trị còn lại	Không kinh doanh		Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
-	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái	3.813	20.798.350,0	3.813						2009	2.699	18.250.837,0	7.012.107,7	2.699								
-	Nhà làm việc										1.964	14.457.580,0	5.418.946,3	1.964								
-	Nhà lưu trú công vụ và gara oto										652	3.645.751,0	1.593.161,4	652								
-	Nhà để xe 2 bánh										64	43.371,0	0,0	64								
-	Nhà bảo vệ										19	104.135,0	0,0	19								
	Tổng cộng	3.813	20.798.350,0	3.813						2009	2.699	18.250.837,0	7.012.107,7	2.699								

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Thoa

Yên Bái, ngày 06 tháng 02 năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



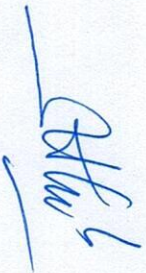
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Xuân Hùng

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁCH
NĂM 2024

TT	Danh mục ô tô và tài sản khác	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (nghìn đồng)							Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	9	10	11	12	13	14	15			
					Trong đó	Nguồn ngân sách									Nguồn khác		
1	Xe ô tô		4	5	6	7	8										
1	Xe ô tô cammi 21A 001.00	Văn phòng	01	1.280.400,0	1.280.400,0		340.970,5		X								
2	Xe ô tô Future 21A 002.37	Văn phòng	01	1.226.070,0	1.226.070,0		490.060,2		X								
3	Xe ô tô Toyota Corolla 21A 002.06	Văn phòng	01	841.434,0	841.434,0		336.321,2		X								
II	Tài sản cố định khác																
1	Xe máy công		06	158.000,0	158.000,0		0,0		X								
2	Máy tính để bàn	Các phòng NV	73	1.088.806,6	1.088.806,6		127.550,0		X								
3	Máy tính xách tay		25	807.960,0	807.960,0		236.040,0		X								
4	Tủ đựng hồ sơ (tủ đẩy 5 buồng)	Kho LT	6	326.950,0	326.950,0		67.080,0		X								
5	Máy scan tài liệu	Văn phòng	3	185.000,0	185.000,0		86.770,0		X								
6	Máy photocopy	Văn phòng	3	703.000,0	703.000,0		257.462,5		X								
7	Bàn ghế tiếp khách		4	55.000,0	55.000,0		0,0		X								
8	Máy IPAD		1	17.500,0	17.500,0		0,0		X								

9	Ti vi		3	56.243,6	56.243,6	0,0		x									
10	Máy quay		6	119.504,0	119.504,0	0,0		x									
11	Máy chiếu	Văn phòng	1	39.780,0	39.780,0	0,0		x									
12	Thiết bị ghi âm, ghi hình	P. hỏi cung	1	83.732,0	83.732,0	73.265,5											
13	Tăng âm (âm ly + loa)	Văn phòng	1	29.700,0	29.700,0	0,0		x									
14	Máy phát điện	Văn phòng	1	150.000,0	150.000,0	0,0		x									
15	Điều hoà		3	38.410,0	38.410,0	33.608,8		x									
16	Tủ lạnh	Văn phòng	1	13.000,0	13.000,0	0,0		x									
17	Camera an ninh		1	55.826,0	55.826,0	0,0		x									
18	Phụ hiệu trụ sở+ hội trường		2	77.300,0	77.300,0	9.662,5		x									
	Tổng cộng			7.353.616,2	7.353.616,2	2.058.791,1											

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thị Thoa

Yên Bái, ngày 06 tháng 02 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Lê Xuân Hùng